

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 174/2022/DS-PT

Ngày: 09-9-2022

V/v: Tranh chấp chia thừa kế tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán:

Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

Bà **Đặng Thị Bích V**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Cao Phương Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022, về việc tranh chấp chia thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

1. Ông **Lương Văn D**, sinh năm 1965. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 07, khu phố Lò B, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Lương Thị Th**, sinh năm 1956. Vắng mặt

3. Bà **Lương Thị V**, sinh năm 1963. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số 18, tổ 29, khu phố Ngã B, thị trấn Kiên L, huyện kiên L, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: Ông **Mai Thành Ch**, sinh năm 1964 (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2022). Có mặt

Địa chỉ: Số 188, tỉnh lộ 11, ấp Ba N, xã Bình A, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Bà **Lương Thị C**, sinh năm 1954. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố Lò B, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông **Võ Quang Th**, sinh năm 1974. (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2021). Có mặt

Địa chỉ: Ấp Hòa Th, xã Bình S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Lương Văn S** (đã chết)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lương Văn S:

- Ông **Lương Duy C**, sinh năm 1972. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố Ngã B, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Lương Thị Thu Th (Lương Thị Th)**, sinh năm 1974. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 18, khu phố Cư X, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Lương Thị Thu K**, sinh năm 1978. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 3, Quốc lộ 80, Khu phố Kiên T, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Lương Duy T**, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 18, khu phố Ngã B, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Dương Ngô Xuân Y**, sinh năm 1963. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố Ngã B, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị Thu Th và ông Lương Duy T: Ông **Mai Thành Ch**, sinh năm 1964 (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2022). Có mặt

Địa chỉ: Số 188, tỉnh lộ 11, ấp Ba N, xã Bình A, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

2. Công ty cổ phần xi măng VICEM Hà Tiên.

Địa chỉ: Số 604 Võ Văn K, phường Cầu Kh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Đình C** – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Phạm Sơn Tr** - Nhân viên Ban quản lý dự án Công ty cổ phần xi măng VICEM Hà Tiên và ông

Mai Đức V – Nhân viên pháp chế Công ty cổ phần xi măng VICEM Hà Tiên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Lương Văn Nh, sinh năm 1960. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Hòa Ph, xã Th Y, thành phố Hà T, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Cống Tr, xã Kiên B, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

4. Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Khu phố Ba H, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Thanh H** – Chủ tịch UBND huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương

Địa chỉ: Khu phố Ba H, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Quang Ph** – Chủ tịch Hội đồng bồi thường. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* **Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Th, Lương Thị Thu Th, Lương Duy T**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Lương Văn D, bà Lương Thị Th và bà Lương Thị V trình bày:

Cụ Lương Văn L (đã chết năm 1996) và vợ là cụ Trần Thị Ý (đã chết năm 1993), hai cụ có được 07 người con gồm: 1. Lương Văn S, 2. Lương Thị C, 3. Lương Thị Th, 4. Lương Văn Nh, 5. Lương Thị V, 6. Lương Văn D, 7. Lương Văn H (chết, không có vợ và con)

Ông Lương Văn S đã chết, có vợ là bà Dương Ngô Xuân Y và 04 người con gồm: 1. Ông Lương Duy C, 2. Lương Thị Th, 3. Lương Thị Thu K. 4. Lương Duy T.

Sau khi cụ L và cụ Ý chết không để lại di chúc, các nguyên đơn trình bày di sản để lại gồm có quyền sử dụng đất khoảng 52.000m² tọa lạc tại Khu Phố Lò b, Thị Trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang. Ngày 28/8/2019 Nhà nước thu hồi phần diện tích chưa được cấp giấy là 29.853,1m² để thực hiện khai thác khoáng sản thuộc dự án kiến thiết cơ bản mở sết lô 5 do Công Ty cổ Phần Xi măng Hà Tiên I thực hiện với số tiền đất, hoa màu, cây trồng và hỗ trợ giải quyết việc làm khoảng là 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng). Như vậy diện diện tích còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng 22.000m².

Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2020 ông Lương Văn D, bà Lương Thị Th, bà Lương Thị V, ông Lương Văn Nh yêu cầu chia di sản của cụ L và cụ Ý để lại. Đối với phần đất Nhà nước bồi hoàn các nguyên đơn thống nhất nhận số tiền và yêu cầu chia thừa kế, phần đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (SDD) được cấp khoảng 22.000m² các nguyên đơn yêu cầu chia đều.

Ngày 04/8/2020 bà Lương Thị V, bà Lương Thị Th và ông Lương Văn D rút lại một phần khởi kiện và ông T, bà Th rút yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 22.000m² làm đất hương quả của gia tộc (Bút lục số 129; 130; 131).

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lương Văn Nh từ chối nhận di sản thừa kế và không tiếp tục khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án chuyển tư cách tham gia tố tụng của ông Nh từ người khởi kiện sang người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn bà Lương Thị C trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là do bà khai phá từ năm 1977 nhưng đến năm 1993 cụ L là chủ hộ (cha bà C) nên bà để cho cụ L đứng tên kê khai, nhưng người trực tiếp khai phá và giữ đất cho đến nay là bà C. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền SDD năm 1995 với diện tích là 52.100m², ngoài ra còn một phần bà khai phá thêm là 29.853,1m² không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Biên bản họp gia tộc ngày 12/3/2008 đã thỏa Th chia đều cho các anh chị em phần đất bồi hoàn giai đoạn một do Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 thu hồi làm mỏ sét sản xuất xi măng.

Năm 2019 Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 thu hồi diện tích đất 29.853,1m² là diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất này do bà khai phá năm 1977 cho đến nay, không phải của cụ Lương Văn L.

Bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn S là anh Lương Duy T (Con của ông Lương Văn S) trình bày:

Anh T làm đơn yêu cầu độc lập xin được hưởng ½ số tài sản mà ông Lương Văn S được hưởng thừa kế của cụ Lương Văn L và cụ Trần Thị Ý (ông bà nội của anh T) đối với số tiền 2.200.000.000 đồng mà công ty Xi măng Hà Tiên 1 bồi hoàn và 22.000m² đất.

Ngày 04/8/2020 anh Lương Duy T rút lại một phần yêu cầu độc lập đối với diện tích 22.000m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền SDD làm đất hương hỏa.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn S là Lương Thị Thu Th (Con của ông Lương Văn S) trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh Lương Duy T. Tại đơn yêu cầu độc lập chị Lương Thị Thu Th yêu cầu được hưởng ½ số tài sản mà ông Lương Văn S được hưởng thừa kế của cụ Lương Văn L và cụ Trần Thị Ý (ông bà nội của chị Th) đối với số tiền 2.200.000.000 đồng mà Công ty Xi măng Hà Tiên 1 bồi hoàn và 22.000m² đất trong phần cha chị được hưởng.

Ngày 04/8/2020 chị Lương Thị Thu Th rút lại một phần yêu cầu độc lập đối với diện tích 22.000m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền SDD làm đất hương hỏa.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Lương Văn S là chị Lương Thị Thu K trình bày: Chị là con của ông Lương Văn S, theo quy định của pháp luật chị được hưởng tài sản của ông Lương Văn S nhưng chị không yêu cầu mà giao lại phần tài sản được chia của ông Lương Văn S cho chị Th và anh T.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Lương Văn S là anh Lương Duy C trình bày: Anh là con của ông Lương Văn S, theo quy định của pháp luật anh được hưởng tài sản của ông Lương Văn S nhưng anh không yêu cầu mà giao lại phần tài sản được chia của ông Lương Văn S cho chị Th và anh T.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Lương Văn S là bà Dương Ngô Xuân Y trình bày: Bà là vợ hợp pháp của ông Lương Văn S, có đăng ký kết hôn, bà từ chối nhận di sản thừa kế của ông Lương Văn S và yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần của ông Lương Văn S cho các con của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 do ông ông Phạm Sơn Trung và ông Trần Quốc B trình bày: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 có thực hiện dự án Kiến thiết cơ bản mỏ sét Lô 5 – Nhà máy xi măng Kiên Lương, trong đó có diện tích 29.853,1m² đất chưa có giấy chứng nhận QSDĐ các đương sự đang tranh chấp, Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 đã chuyển đầy đủ toàn bộ kinh phí chi trả bồi thường, hỗ trợ theo quy định cho ban bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng huyện Kiên Lương (nay đã giải thể và Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Kiên Lương tiếp tục thực hiện) để chi trả cho các hộ dân bị thu hồi đất tại dự án nêu trên. Nay Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương vắng mặt có gửi văn bản trình bày: Đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật số tiền hỗ trợ bồi hoàn giải tỏa hiện nay đang gởi tại Kho Bạc Nhà nước, Tòa quyết định chi trả cho ai thì Hội đồng sẽ chi trả thực hiện theo quyết định, bản án của Tòa.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Áp dụng Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn D.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho ông Lương Văn D với số tiền là 30.720.700đ (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Lương Văn D với số tiền là 335.945.967 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm S mươi bảy đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Th.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho bà Lương Thị Th với số tiền là 30.720.700đ (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Lương Thị Th với số tiền là 335.945.967 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm S mươi bảy đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị V.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho bà Lương Thị V với số tiền là 30.720.700đ (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Lương Thị V với số tiền là 335.945.967 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm S mươi bảy đồng).

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho bà Lương Thị Thị C với số tiền là 30.720.700 đồng (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm đồng)

- Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Lương Thị Thu Th.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho chị Lương Thị Thu Th với số tiền là 15.360.350 đ (Mười lăm triệu ba trăm S mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của chị Lương Thị Thu Th với số tiền là 167.972.983 đồng (một trăm S mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm tám mươi ba nghìn).

- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lương Duy T.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho anh Lương Duy T với số tiền là 15.360.350 đ (Mười lăm triệu ba trăm S mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh Lương Duy T với số tiền là 167.972.983 đồng (một trăm S mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm tám mươi ba nghìn).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn D, bà Lương Thị V, bà Lương Thị Th, chị Lương Thị Thu Th, anh Lương Duy T đối với yêu cầu chia

thừa kế diện tích đất 22.000m² do ông D, bà V, bà Th, chị Th, anh T rút đơn khởi kiện.

Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của ông Lương Văn Nh do ông Nh rút đơn khởi kiện.

- Đối với số tiền bồi hoàn không phải là di sản thừa kế thì đề nghị Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương chi trả cho bà Lương Thị C theo quy định của pháp luật và khấu trừ số tiền Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương đã cho bà C tạm ứng chữa bệnh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/5/2022 Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Th, Lương Thị Thu Th, Lương Duy T có đơn kháng cáo với nội dung Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 26/04/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang về việc tranh chấp chia thừa kế tài sản. Số tiền được chia đều cho 5 anh, chị, em ruột tổng cộng chung là 1.954.432.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm ba hai nghìn đồng). Mỗi người số tiền 390.886.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu tám trăm tám mươi S nghìn đồng). Lương Văn S chết chia đều cho hai con ruột Lương Duy T và Lương Thị Thu Th mỗi người 195.443.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Th, Lương Thị Thu Th, Lương Duy T giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Lương Thị C không có kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Th, Lương Thị Thu Th, Lương Duy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Th, Lương Thị Thu Th, Lương Duy T về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lương Duy C, bà Lương Thị Th K, ông Lương Văn Nh, bà Dương Ngô Xuân Y, Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương, công ty cổ phần xi măng VICEM Hà Tiên vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Th, Lương Thị Thu Th, Lương Duy T, Hội đồng xét xử xét thấy, cụ Lương Văn L chết năm 1996 và cụ Trần Thị Ý chết năm 1993, không để lại di chúc. Bản án số: 225/2008/DS-ST ngày 24/12/2008 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đã xác định diện tích đất 52.100m² thuộc thửa 61, 41 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của cụ Lương Văn L, ngoài ra Cụ L còn có một phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại phần Quyết định của bản án trang 6 đã quyết định “Ghi nhận sự thỏa Th của các đương sự về phần đất còn lại có các cạnh tiếp giáp hộ ông Nguyễn Quốc Th, hộ ông Thạch Ch, công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 và tiếp với Kinh Rạch Giá – Ba Hòn dùng làm đất hương quả trong gia tộc, giao cho bà Lương Thị C tiếp tục quản lý sử dụng, bà C không được quyền chuyển nhượng, thế chấp...hoặc bất cứ hình thức nào khi chưa có sự đồng ý của các đồng sở hữu chung”, như vậy bản án đã tuyên giao phần đất còn lại dùng làm hương quả trong gia tộc nhưng chưa thể hiện được là phần đất nào và có diện tích cụ thể bao nhiêu nên không có căn cứ xác định diện tích đất 29.853,1m² đang bị thu hồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của Cụ L và cụ Ý để lại.

Qua xác minh thu thập chứng cứ, Tòa án sơ thẩm đã thu thập được “Biên bản v/v đo đạc thực tế đất tranh chấp ngày 22/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương” trong hồ sơ vụ án thụ lý số:183/2008/DS-ST ngày 21/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tại sơ đồ phác họa diện tích đang tranh chấp đã thể hiện các cạnh cụ thể như sau:

- Phía Tây bắc giáp đất Dương Âm và đất bà Lương Thị C khai phá, cạnh AB = 83,5m, BC = 155m.

- Phía đông bắc giáp đất Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc Th cạnh CD = 703m.

- Phía Đông Nam giáp Kênh Xáng Kiên L – Rạch Giá (chưa trừ thủy giới) cạnh ED = 58,4m.

- Phía Đông Nam giáp đất Thạch Tr, Võ Văn R, Trịnh Minh Q, Dương Âm, cạnh GA = 182,7m, cạnh EF = 482,7.

Như vậy cạnh BC của sơ đồ đã thể hiện giáp với phần đất của bà Lương Thị C khai phá được các đương sự trong vụ án thụ lý 183/2008/DS-ST ngày 21/4/2008 thống nhất ký tên.

Mặt khác, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương đã cho kết quả tại Tờ trích đo địa Ch ngày 14/02/2022 cụ thể: Diện tích mà ông Lương Văn L khai phá chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 9.035,5m² và diện tích mà bà Lương Thị C khai phá chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20.817,6m². Tại Công văn số: 107/UBND-TNMT ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương (BL 238) đã xác định: Khu đất diện tích 29.853,1m² chưa được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; toàn bộ diện tích đất nêu trên là do bà Lương Thị C trực tiếp sử dụng, về nguồn gốc đất có 9.035,5m² do ông Lương Văn L và bà Ý khai phá, diện tích còn lại là do bà Lương Thị C khai phá.

Như vậy tòa án cấp sơ thẩm đã xác định diện tích mà cụ L khai phá chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 9.035,5m² và đây là di sản thừa kế của ông Lương Văn L và cụ Ý. Còn lại 20.817,6m² trong tổng diện tích bị thu hồi là của bà Lương Thị C không phải di sản thừa kế trong vụ án này là có căn cứ và phù hợp.

[3] Về diện và hàng thừa kế: Cụ Lương Văn L (Chết năm 1996) và vợ là cụ Trần Thị Ý (Chết năm 1993) không để lại di chúc. Theo tài liệu có trong hồ sơ và theo lời khai thống nhất của các đương sự hai cụ có được 07 người con gồm: 1. Lương Văn S, 2. Lương Thị C, 3. Lương Thị Th, 4. Lương Văn Nh, 5. Lương Thị V, 6. Lương Văn D, 7. Lương Văn H (chết, không có vợ và con)

Ông Lương Văn S đã chết, có vợ là bà Dương Ngô Xuân Y và 04 người con gồm: 1. Ông Lương Duy C, 2. Lương Thị Th, 3. Lương Thị Thu K. 4. Lương Duy T.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lương Văn Nh từ chối nhận di sản thừa kế và không tiếp tục khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Do đó di sản của cụ Lương Văn L và cụ Trần Thị Ý sẽ được chia đều cho 5 kỷ phần, bản án sơ thẩm đã xác định là phù hợp.

[4] Về thời hiệu thừa kế: Cụ Lương Văn L (đã chết năm 1996) và vợ là cụ Trần Thị Ý (đã chết năm 1993), nguyên đơn Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lương Thị Thu Th, Lương Duy T yêu cầu chia di sản là toàn bộ quyền sử dụng đất 29.853,1m² nhà Nước thu hồi năm 2019 và tiền bồi hoàn với tổng số tiền 2.204.142.700 đồng. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ L và cụ Ý vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần khởi kiện chia thừa kế của ông Lương Văn D, bà Lương Thị V, bà Lương Thị Th và yêu cầu độc lập của anh Lương Duy T và chị Lương Thị Thu Th đối với diện tích đất 9.035,5m² trong tổng diện tích bị thu hồi 29.853,1m² là phù hợp quy định của pháp luật.

Chia thừa kế giá trị đất thành tiền được bồi hoàn theo 05 kỷ phần các đương sự được hưởng cụ thể: Di sản của cụ L và cụ Ý để lại tích $9.035,5m^2 \times 17.000.000đ/1.000m^2$ thành tiền là 153.603.500 đ (Một trăm năm mươi ba triệu S trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng), số tiền này được chia thành 5 kỷ phần bằng nhau mỗi phần sẽ được hưởng 30.720.700 đồng.

Như vậy phần của ông Lương Văn S được hưởng là 30.720.700 đồng được chia cho chị Lương Thị Thu Th và anh Lương Duy T mỗi người là 15.360.350 đồng.

Đối với tiền bồi thường cây trồng, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tổng số tiền 1.696.640.000đ. Bà Lương Thị C là người trực tiếp sử dụng đất từ khi cụ Lương Văn L chết cho đến nay cho nên đối với các khoản tiền bồi hoàn trên bà Lương Thị C được hưởng và đây không phải là di sản thừa kế của cụ L và cụ Ý. Phần đất $20.817,6m^2$ trong diện tích Nhà nước thu hồi bồi hoàn trị giá thành tiền là 353.899.200đ phần đất này không phải di sản của cụ Ý và cụ L để lại mà do bà C khai phá nên bà C được hưởng, tổng số tiền hai khoản bà C được hưởng là 2.050.539.200đ. Cách phân chia như Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm như vậy là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật. Các lý do kháng cáo mà người kháng cáo đã đưa ra là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự yêu cầu khởi kiện chia số tiền 2.200.000.000 đồng theo quy định của pháp luật, mà theo quy định của pháp luật thì hàng thừa kế của cụ Lương Văn L và cụ Trần Thị Ý gồm 6 người cho nên chia làm 6 phần bằng nhau mỗi phần là 366.666.667đồng.

Ông Lương Văn D, bà Lương Thị Th, bà Lương Thị V, ông Lương Văn Nh cùng nộp tiền tạm ứng án phí là 42.840.000 đồng tại biên lai số 0000063 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, như vậy mỗi người đã nộp tạm ứng án phí là 10.710.000 đồng.

Ông Lương Văn D được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.720.700 đồng và số tiền không được chấp nhận là 335.945.967 đồng nên phải chịu số tiền án phí của phần được chấp nhận và không được chấp nhận cụ thể: $366.666.667 \times 5\% = 18.333.333$ đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Lương Văn D đã nộp là 10.710.000 đồng trong tổng số tiền 42.840.000 đồng tại biên lai số 0000063 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Như vậy ông Lương Văn D còn phải nộp thêm tiền án phí là 7.623.333 đồng.

Bà Lương Thị V được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.720.700 đồng và số tiền không được chấp nhận là 335.945.967 đồng nên phải chịu số tiền án phí của phần được chấp nhận và không được chấp nhận cụ thể: $366.666.667 \times 5\% = 18.333.333$ đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lương Thị V đã nộp là 10.710.000 đồng trong tổng số tiền 42.840.000 đồng tại biên lai số 0000063 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Như vậy bà Lương Thị V còn phải nộp thêm tiền án phí là 7.623.333 đồng.

Bà Lương Thị Th, sinh năm 1956 là người trên 60 tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.710.000 đồng trong tổng số tiền 42.840.000 đồng tại biên lai số 0000063 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Bà Lương Thị C, sinh năm 1954 là người trên 60 tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Lương Duy T phải chịu tiền án phí trên số tiền được chấp nhận là 15.360.350 đồng và số tiền không được chấp nhận là 167.972.983 đồng. Như vậy số tiền án phí mà anh T phải chịu là $183.333.333 \text{ đồng} \times 5\% = 9.166.666 \text{ đồng}$, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 5.591.666 đồng tại Biên lai số 0000171 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Như vậy anh T phải nộp thêm án phí là 3.575.000 đồng.

Chị Lương Thị Thu Th (Lương Thị Th) phải chịu tiền án phí trên số tiền được chấp nhận là 15.360.350 đồng và số tiền không được chấp nhận là 167.972.983 đồng. Như vậy số tiền án phí mà chị Th phải chịu là $183.333.333 \text{ đồng} \times 5\% = 9.166.666 \text{ đồng}$, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp là 5.591.666 đồng tại Biên lai số 0000170 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Như vậy chị Th phải nộp thêm án phí là 3.575.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lương Văn Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.710.000 đồng trong tổng số tiền 42.840.000 đồng tại biên lai số 0000063 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Từ những nhận định nêu trên nên trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Th, Lương Thị Thu Th, Lương Duy T, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Thu Th, Lương Duy T mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Bà Lương Thị Th, sinh năm 1956 là người trên 60 tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Áp dụng Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Th, Lương Thị Thu Th, Lương Duy T.
- Giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn D.
Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho ông Lương Văn D với số tiền là 30.720.700đ (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm đồng).
Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Lương Văn D với số tiền là 335.945.967 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm S mươi bảy đồng).
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Th.
Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho bà Lương Thị Th với số tiền là 30.720.700đ (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm đồng).
Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Lương Thị Th với số tiền là 335.945.967 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm S mươi bảy đồng).
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị V.
Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho bà Lương Thị V với số tiền là 30.720.700đ (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm đồng).
Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Lương Thị V với số tiền là 335.945.967 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm S mươi bảy đồng).
- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho bà Lương Thị Thị C với số tiền là 30.720.700 đồng (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm đồng)
- Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Lương Thị Thu Th.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho chị Lương Thị Thu Th với số tiền là 15.360.350 đ (Mười lăm triệu ba trăm S mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của chị Lương Thị Thu Th với số tiền là 167.972.983 đồng (một trăm S mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm tám mươi ba nghìn).

- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lương Duy T.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho anh Lương Duy T với số tiền là 15.360.350 đ (Mười lăm triệu ba trăm S mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh Lương Duy T với số tiền là 167.972.983 đồng (một trăm S mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm tám mươi ba nghìn).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn D, bà Lương Thị V, bà Lương Thị Th, chị Lương Thị Thu Th, anh Lương Duy T đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 22.000m² do ông D, bà V, bà Th, chị Th, anh T rút đơn khởi kiện.

- Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của ông Lương Văn Nh do ông Nh rút đơn khởi kiện.

- Đối với số tiền bồi hoàn không phải là di sản thừa kế thì đề nghị Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương chi trả cho bà Lương Thị C theo quy định của pháp luật và khấu trừ số tiền Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kiên Lương đã cho bà C tạm ứng chữa bệnh.

Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lương Văn D, bà Lương Thị Th, bà Lương Thị V, ông Lương Văn Nh cùng nộp tiền tạm ứng án phí là 42.840.000 đồng (bốn mươi hai triệu tám trăm bốn chục nghìn đồng) tại biên lai số 0000063 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, như vậy mỗi người đã nộp tạm ứng án phí là 10.710.000 đồng (mười triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Ông Lương Văn D phải chịu số tiền án phí là 18.333.333 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Lương Văn D đã nộp là 10.710.000 đồng trong tổng số tiền 42.840.000 đồng tại biên lai số 0000063 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Như vậy ông Lương Văn D còn phải nộp thêm tiền án phí là 7.623.333 đồng (bảy triệu S trăm hai mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Bà Lương Thị V phải chịu số tiền án phí 18.333.333 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lương Thị V đã nộp là 10.710.000 đồng trong tổng số tiền 42.840.000 đồng tại biên lai số 0000063 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Như vậy bà Lương Thị V còn phải

nộp thêm tiền án phí là 7.623.333 đồng(bảy triệu S trăm hai mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) .

Bà Lương Thị Th, sinh năm 1956 là người trên 60 tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.710.000 đồng (mười triệu bảy trăm mười nghìn đồng) trong tổng số tiền 42.840.000 đồng tại biên lai số 0000063 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Bà Lương Thị C, sinh năm 1954 là người trên 60 tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Lương Duy T phải chịu tiền án phí 9.166.666 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 5.591.666 đồng tại Biên lai số 0000171 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Như vậy anh T phải nộp thêm án phí là 3.575.000 đồng (ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị Lương Thị Thu Th (Lương Thị Th) phải chịu tiền án phí 9.166.666 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp là 5.591.666 đồng tại Biên lai số 0000170 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Như vậy chị Th phải nộp thêm án phí là 3.575.000 đồng(ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Lương Văn Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.710.000 (mười triệu bảy trăm mười nghìn đồng). đồng trong tổng số tiền 42.840.000 đồng tại biên lai số 0000063 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Án phí dân sự phúc thẩm: Lương Văn D, Lương Thị V, Lương Thị Thu Th, Lương Duy T mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0000160, 0000161, 0000162, 0000163 cùng ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Bà Lương Thị Th được miễn tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Liên Lương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THA dân sự huyện Kiên Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha